

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2022
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ph

2. Ông Lê Anh V

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thụy Thùy Tr, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh T, Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Tr qua tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau

nghư vợ chồng vào năm 2001, ông bà được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2001 ngày 03/12/2001.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Tr thường xuyên say xỉn, ham mê đá gà không quan tâm đến vợ con. Bà L có khuyên nhiều lần và tỏ ý muốn ông Tr thay đổi nhưng ông Tr không sửa đổi; từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được. Từ năm 2011 vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng kinh tế độc lập, tiền ai nấy sử dụng, ít nói chuyện với nhau. Đến năm 2016 bà L đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng do thương hoàn cảnh các con nên đã rút đơn, đình hoãn đến tháng 5 năm 2020 bà và con trai chuyển đến nhà người em ở Thành phố Hồ Chí Minh sống và ly thân với ông Tr cho đến nay.

Nay, bà L xác định không còn tình cảm với ông Tr, do đó bà L yêu cầu ly hôn với ông Tr.

- Về con chung: 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh ngày 16/11/2002 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Hoàng H sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Đối với Phạm Hoàng H đã đến tuổi trưởng thành, tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh Tr đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Tr không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án. Sau đó Tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/6/2022, ngày 04/7/2022 nhưng ông Tr vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được. Để xác minh làm rõ yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã đến tận nhà tiếp xúc ghi lời khai, ông Tr trình bày mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc bà L đi Tp. Hồ Chí Minh ở nhà người em rồi kẹt lại do giãn cách xã hội chống dịch Covid. Sau đó do giận nên ông Tr không nói chuyện với bà L, từ từ dẫn đến mỗi người tự lo riêng không quan tâm đến nhau nữa, tuy vậy nhưng ông Tr vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn với bà L.

Phiên tòa hôm nay, ông Tr đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật, nhưng ông Tr vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Tr và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông Tr vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin ly hôn ông Tr. Về con chung: 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh ngày 16/11/2002 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Tại phiên tòa cháu H có nguyện vọng chung sống với mẹ nên thống nhất giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với cháu H đã trưởng thành và bà L không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Tr. Bị đơn ông Phạm Minh Tr có hộ khẩu

thường trú và nơi cư trú tại ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Minh Tr đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc L đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý và ông Tr chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2001 ngày 03/12/2001, được xác định là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.1 Xét yêu cầu của bà L về việc yêu cầu ly hôn ông Tr, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông Tr thường xuyên say xỉn không quan tâm vợ con. Bà L có khuyên nhiều lần và cho cơ hội sửa chữa nhưng ông Tr không sửa đổi. Quá trình Tòa án giải quyết ông Tr có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà L nhưng dù cả hai đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay mà ông Tr lại không có động thái gì để hàn gắn tình cảm với bà L.

[2.2] Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Ly hôn theo yêu cầu của một bên:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[2.3] Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Để có cuộc hôn nhân hạnh phúc cả hai phải có sự trân trọng, yêu thương, cảm thông, chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Thế nhưng, ông Tr không quan tâm, chia sẻ với bà L, bà L đã nhiều lần cho cơ hội nhưng ông không sửa đổi,

từ đó làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Ngoài ra dù cả hai vợ chồng ly thân đã lâu nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Tr là có căn cứ để chấp nhận.

Riêng, đối với ông Tr sau khi Tòa án thụ lý vụ án ông có lời khai trình bày muốn đoàn tụ chung sống với bà L nhưng khi Tòa án triệu tập ông Tr đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ thì ông không đến Tòa để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay ông Tr vẫn không có mặt, thể hiện ông Tr không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của bà L tại Tòa việc ông nói còn tình cảm với bà L chỉ là lời nói suông không thật lòng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Phạm Minh Tr.

[3] Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh ngày 16/11/2002 và Phạm Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009. Tại phiên tòa cháu H có nguyện vọng chung sống với mẹ và bà L cũng đồng ý nên thống nhất giao cháu H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Đối với em H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và bà L, ông Tr không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L, ông Tr trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận bà Nguyễn Ngọc L ly hôn ông Phạm Minh Tr.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Hoàng H, sinh ngày 30/10/2009 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Đối với em Phạm Hoàng H đã trưởng thành tự lao động sinh sống được và bà L, ông Tr không có yêu cầu gì nên không xem xét. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn và bị đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp ngày 04/3/2022 theo biên lai số 0009030 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí. Như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn (bà L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn (ông Tr) vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp(1);
- Viện kiểm sát nhân dân H Châu Thành(1);
- Chi cục THA DS. H Châu Thành(1);
- UBND xã T, huyện C(1);
- Lưu hồ sơ HNGĐ(1);
- Lưu Văn thư(1).(P)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong

